

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 202/2020/HS-ST
Ngày: 30-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỳ

Bà Trịnh Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 193/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Tuấn A** - sinh năm 1993 tại: Tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 5/168 đường L, phường X, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình D và bà Trần Thị C; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 15-02-2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Môi giới mại dâm”; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22-02-2020, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 28-02-2020 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Phạm Trung H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Bùi Thị Ngọc A1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Đỗ Quỳnh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 6/7/192 đường L, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Trường T1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 195 đường P, phường P, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12-01-2020, Trần Tuấn A gọi điện rủ bạn là anh Phạm Trung H đi uống rượu và hẹn gặp nhau tại khu vực quán P, phường K, thành phố Đ thì anh H đồng ý. A đi bộ còn anh H đi xe máy biển kiểm sát: 18B1-812.61 đến điểm hẹn. Sau khi gặp nhau, A điều khiển xe máy chở anh H đi chơi. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai vào quán nước vỉa hè ở khu vực ngã tư đường S – T, phường K, thành phố Đ ngồi uống nước, nói chuyện. Tại đây, anh H gọi điện rủ bạn là anh Phạm Xuân T2, sinh năm 1997; nơi cư trú: xã D, huyện T, tỉnh Nam Định đi uống rượu cùng thì anh T2 đồng ý. Lúc này, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên A nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy biển kiểm sát: 18B1-812.61 của anh H để mang đi cầm cố. A bảo anh H giao xe máy cho mình cất giữ rồi gọi xe taxi để đi uống rượu thì anh H đồng ý. Sau đó, anh H ngồi ở quán nước đợi còn A điều khiển xe máy của anh H mang về cất giấu tại phòng trọ của mình ở ngõ 106 đường T, phường K, thành phố Đ. Tiếp đó, A đi xe taxi đến khu vực đường P, phường T, thành phố Đ gặp và vay của một người bạn tên là Q (không rõ lai lịch, địa chỉ) số tiền 1.500.000 đồng với mục đích lấy tiền đưa cho anh H đi uống rượu trước để có thời gian đi cầm cố xe rồi quay lại quán nước đón anh H. Cả hai đi xe taxi đến khu vực cổng trường trung học phổ thông Đ, phường V, thành phố Đ đón anh T2 rồi đi đến quán M, đường A, phường V, thành phố Đ để ăn uống. Khi đến cửa quán, A không xuống xe mà đưa 1.000.000 đồng cho anh H và nói: “Cầm tiền vào uống rượu trước, tao đi có việc sẽ quay lại sau” thì anh H đồng ý và xuống xe cùng anh T2 đi vào quán. Sau đó, A tiếp tục đi xe taxi quay lại phòng trọ của mình để lấy chiếc xe máy biển kiểm sát: 18B1-812.61 của anh H mang đi cầm cố. A gọi điện cho bạn là Lê Quang H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 69 đường S, phường D, thành phố Đ đặt vấn đề cầm cố chiếc xe máy trên nhưng H1 không đồng ý mà giới thiệu A đến nhà Trần Văn M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 47/148 đường T, phường X, thành phố Đ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, A điều khiển chiếc xe máy biển kiểm sát: 18B1-812.61 cùng H1 đến nhà M. Tại đây, A đặt vấn đề vay M số tiền 4.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 12-01-2020, chưa thỏa thuận lãi suất và đặt chiếc xe máy trên lại làm tin thì M đồng ý. Quá trình giao dịch, cả hai không viết giấy tờ đồng thời thỏa thuận nếu quá thời hạn 10 ngày, A không trả tiền thì M được quyền bán chiếc xe máy trên cho người khác. Về nguồn gốc chiếc xe máy, A đều không nói cho H1 và M biết. Sau khi nhận được 4.000.000 đồng từ M, A đã mang trả Q 1.500.000 đồng vay

trước đó rồi quay lại quán ngồi uống rượu cùng anh H, anh T2. Khi đã ăn uống xong, anh H dùng số tiền 1.000.000 đồng mà A đã đưa để thanh toán sau đó cả ba đến thuê phòng tại nhà nghỉ số 86 đường T, phường V, thành phố Đ để ngủ lại. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, A nói với anh H là đi có việc nhưng thực chất là bỏ đi để trốn tránh anh H và không trả xe cho anh H. Sau khi thấy A không quay lại nhà nghỉ, anh H đã nhiều lần gọi điện để đòi xe thì A đều nói sẽ trả xe và hẹn anh H đến nhiều địa điểm trong thành phố Đ để lấy xe. Tuy nhiên, từ ngày 12-01-2020 đến ngày 13-01-2020, khi đến các điểm hẹn, anh H đều không gặp được A cũng như không lấy được xe nên đã về nhà và kể lại toàn bộ sự việc với vợ mình là chị Bùi Thị Ngọc A1. Số tiền còn lại từ việc cầm cố xe máy của anh H, A khai đã mua ma túy đá để sử dụng và đánh bạc qua mạng hết.

Để che giấu hành vi của mình, khoảng 11 giờ ngày 13-01-2020, A liên lạc với vợ anh H là chị A1, nói rằng H và T2 đã cầm cố chiếc xe máy của H. Do cần phương tiện để đi lại nên khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14-01-2020, chị A1 đã gọi điện cho A hỏi địa chỉ cầm cố xe máy để chuộc lại xe thì A nói sẽ tìm giúp. Quá trình nói chuyện, chị A1 cũng nói cho A biết trong bóp xe có để Giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Bùi Thị Ngọc A1 nên A đã đến nhà M vay thêm số tiền 4.000.000 đồng từ việc đặt xe lại làm tin và tiếp tục mua ma túy đá để sử dụng. Cùng ngày, M đã cho bạn là Vũ Mạnh Q1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 15B khu B, số 1 đường L, phường N, thành phố Đ mượn chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 mà A đặt lại để sử dụng. Sau đó, Q1 đã bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nam Định bắt quả tang về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy đồng thời thu giữ chiếc xe máy trên.

Ngày 15-01-2020, chị A1 tiếp tục gọi điện cho A thì A nói H và T2 đã cầm cố chiếc xe biển kiểm soát: 18B1-812.61 được 9.000.000 đồng và hỏi chị A1 có bao nhiêu tiền để chuộc xe. Khi chị A1 nói chỉ có 5.000.000 đồng thì A nói sẽ góp thêm tiền để chuộc xe giúp H thì chị A1 đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 16-01-2020, chị A1 nhờ hàng xóm là ông Vũ Đức H3, sinh năm 1961; nơi cư trú: xã D, huyện T, tỉnh Nam Định chở đến khu vực trước cửa Nhà thờ, đường Đ, phường Đ, thành phố Đ để gặp A. Khi đến nơi, chị A1 gọi điện nhờ A dẫn đi chuộc xe thì A bảo chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của mình nhưng chị A1 không đồng ý mà yêu cầu gặp mặt trực tiếp. Sau đó, A hẹn gặp chị A1 ở khu vực cầu vượt BigC, phường H, thành phố Đ. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai gặp nhau tại điểm hẹn, chị A1 đã đưa cho A 5.000.000 đồng để A đi chuộc xe máy. Sau khi nhận tiền, A bảo chị A1 đứng đợi rồi đi xe taxi đến nhà M để chuộc xe. Tuy nhiên, khi đến nơi A không gặp M, gọi điện cũng không liên lạc được mà chỉ gặp bố của M là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 47/148 đường T, phường X, thành phố Đ. A nói với ông Đ muốn chuộc lại chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 thì ông Đ bảo M không có nhà và cần chuộc xe thì liên hệ với H1 do M đã chuyển Giấy chứng nhận đăng ký xe máy lại cho H1. A gọi điện cho H1 để chuộc xe thì H1 bảo đợi một lúc. Tuy nhiên, khi A liên lạc lại với H1 không được, đi tìm H1 cũng không thấy nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của chị A1. Sau đó, A không quay lại điểm hẹn gặp chị A1 đồng thời chặn số điện thoại để chị A1 không thể

liên lạc đòi xe và tiền. Số tiền 5.000.000 đồng chiếm đoạt được của chị A1, A đã mua ma túy đá để sử dụng hết. Những ngày sau, anh H và chị A1 nhiều lần liên lạc với A để đòi xe máy và tiền nhưng đều không được nên ngày 20-02-2020 cả hai đã đến Công an thành phố Nam Định để trình báo sự việc.

Sau khi nhận được đơn trình báo của bị hại, cơ quan điều tra đã triệu tập Trần Tuấn A lên làm việc. Tại cơ quan điều tra, A đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 của anh H và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng của chị A1 như trên. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 mang tên Bùi Thị Ngọc A1 do Lê Quang Huy tự nguyện giao nộp và thu hồi chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 từ Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nam Định.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản vào các ngày 25-02-2020 và ngày 10-4-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đều kết luận: Chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 là vật chứng của vụ án trị giá 13.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe máy cho anh Phạm Trung H, sau khi nhận lại tài sản anh H không có đề nghị gì khác. Anh M không yêu cầu A phải trả lại số tiền 8.000.000 đồng đã vay từ việc cầm cố xe máy. Do A đã tác động và nhờ gia đình bồi thường nên ngày 14-04-2020, mẹ của A là bà Trần Thị C đã bồi thường cho chị A1 số tiền 5.000.000 đồng mà A chiếm đoạt. Sau khi nhận lại số tiền trên, chị A1 không có đề nghị gì khác.

Mở rộng điều tra, cơ quan điều tra xác định Trần Tuấn A còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe máy Honda SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 của chị Đỗ Quỳnh T, cụ thể như sau:

Trần Tuấn A và chị Đỗ Quỳnh T có mối quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 16 giờ ngày 15-02-2020, A gặp chị T đang rửa xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 tại một cửa hàng trên đường P, thành phố Đ. Sau đó, chị T đã đưa chìa khóa xe cùng xe máy của mình cho A điều khiển chở chị T đi chơi quanh thành phố Đ. Tuy nhiên, khi đi đến khu vực trước cửa nhà nghỉ X, đường X, phường X, thành phố Đ thì cả hai xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên A đã dừng xe máy lại. Sau đó, chị T xuống xe đi sang cửa nhà nghỉ đứng còn A vẫn ngồi trên xe. Hai người tiếp tục cãi nhau một lúc thì A bảo chị T lên xe để chở về nhưng chị T không đồng ý nên A đã điều khiển xe máy đi về nhà mình. Ngày 16-02-2020, A nhắn tin qua ứng dụng Facebook cho chị T và hẹn 14 giờ cùng ngày sẽ đến nhà chị T trả xe thì chị T đồng ý. Chị T chờ đến 16 giờ cùng ngày vẫn không thấy A mang xe đến và do có việc phải đi Hà Nội nên chị T đã nhắn tin lại cho A hẹn khi nào chị T về thì sẽ lấy lại xe. Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, nên A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị T. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, A điều khiển xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 đến nhà bạn xã hội là anh Nguyễn Trường T1. Tại đây, A đặt vấn đề vay số tiền 20.000.000 đồng, không lãi suất trong thời hạn 03 ngày tính từ ngày 16-02-2020 và để chiếc xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 lại làm tin thì anh T1 đồng

ý. Quá trình giao dịch, A không nói cho anh T1 biết về nguồn gốc xe, không viết giấy tờ đồng thời thỏa thuận nếu quá hạn mà A không trả tiền và chuộc xe thì anh T1 được quyền bán chiếc xe máy trên cho người khác. Sau đó, A đã giao chiếc xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 cho anh T1 và nhận số tiền 20.000.000 đồng. Vào các ngày 17-02-2020, 18-02-2020, chị T nhiều lần liên lạc với A để đòi xe máy nhưng A đều nói dối là vẫn đang sử dụng chiếc xe trên để đi lại và không cầm cố xe. Khoảng 18 giờ ngày 19-02-2020, A tiếp tục gặp và vay anh T1 thêm 5.000.000 đồng từ việc đặt chiếc xe máy SH để làm tin mà không hẹn thêm ngày trả. Toàn bộ số tiền vay của anh T1, A khai đã mua ma túy đá để sử dụng và đánh bạc qua mạng hết.

Sau khi nhận được đơn trình báo của bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã tiến hành điều tra, làm rõ. Tại cơ quan điều tra, Trần Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 của chị Đỗ Quỳnh T như trên. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 do anh Nguyễn Trường T1 giao nộp.

Ngày 23-3-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: Chiếc xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 là vật chứng của vụ án có trị giá 50.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu là chị Đỗ Quỳnh T, sau khi nhận lại tài sản chị T không có đề nghị gì khác. Đồng thời do được Trần Tuấn A tác động nên ngày 15-4-2020, mẹ của A là bà Trần Thị C đã trả lại 20.000.000 đồng cho anh Nguyễn Trường T1, anh T1 yêu cầu A phải tiếp tục trả số tiền 5.000.000 đồng còn lại. Hiện A chưa trả số tiền này cho anh T1.

Đối với Trần Văn M, Lê Quang H1, Vũ Mạnh Q, Nguyễn Trường T1, kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Tuấn A nên cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với hành vi “Tự ý thay đổi màu sơn của xe không đúng với Giấy đăng ký xe” của chị Đỗ Quỳnh T, Công an thành phố Nam Định đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi Trần Tuấn A khai nhận đã mua ma túy đá để sử dụng và đánh bạc qua mạng, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để kết luận nên cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Bản cáo trạng số: 196/CT-VKS ngày 29-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Trần Tuấn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Tuấn A tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo

toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết vấn đề bồi thường dân sự.

Bị cáo Trần Tuấn A nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn A; các bị hại anh Phạm Trung H, chị Bùi Thị Ngọc A1, chị Đỗ Quỳnh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường T1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Tuấn A phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 12-01-2020, Trần Tuấn A đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Phạm Trung H chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 có trị giá 13.000.000 đồng tại khu vực phường K, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện, tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 13.000.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Trần Tuấn A còn có hai lần lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của chị Bùi Thị Ngọc A1 và chị Đỗ Quỳnh T:

Lần 1: Ngày 16-01-2020 khi chị Bùi Thị Ngọc A1 đưa cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe máy biển kiểm soát: 18B1-812.61 do bị cáo đã lừa của anh Phạm Trung H.

Lần 2: Ngày 16-2-2020 do có việc phải đi vắng nên chị Đỗ Quỳnh T đã để chiếc xe máy SH biển kiểm soát: 29E1-439.02 có trị giá 50.000.000 đồng cho bị cáo sử dụng. Do không có tiền tiêu xài cá nhân và lợi dụng lòng tin của chị T, bị cáo đã mang chiếc xe của chị T đi cầm cố.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình để bồi thường cho các bị hại để khắc phục hậu quả; bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Tuấn A đã có 01 tiền án về tội “Môi giới mại dâm” chưa được xóa án tích và đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên bị áp dụng các tình tiết tăng nặng “Tái phạm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g và h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Xét bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã được giáo dục nhưng bị cáo không ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bản chất coi thường pháp luật nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc trong khung hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phạm hai tội nên cần căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Trần Tuấn A không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại bị hại, các bị hại là anh Phạm Trung H, chị Bùi Thị Ngọc A1, chị Đỗ Quỳnh T đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường T1 yêu cầu bị cáo Trần Tuấn A phải bồi thường số tiền 25.000.000 đồng là tiền cầm cố xe anh T1 đưa cho Trần Tuấn A. Trong giai đoạn điều tra, bà Trần Thị Cúc – mẹ đẻ của bị cáo Trần Tuấn A đã bồi thường cho anh Nguyễn Trường T1 số tiền 20.000.000 đồng. Anh Nguyễn Trường T1 yêu cầu bị cáo Trần Tuấn A phải tiếp tục bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Tuấn A phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Trường T1

số tiền 5.000.000 đồng là giá trị tài sản bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây nên.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Tuấn A bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể như sau:

- Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng.
- Án phí đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của anh Nguyễn Trường T1: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn A phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 01 năm 03 tháng tù (Một năm ba tháng tù) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm 09 tháng tù (Hai năm chín tháng tù) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Trần Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 năm tù (Bốn năm tù).

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 22-02-2020.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Tuấn A phải bồi thường cho anh Nguyễn Trường T1 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Trường T1 có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo Trần Tuấn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Trần Tuấn A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Tuấn A được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Các bị hại anh Phạm Trung H, chị Bùi Thị Ngọc A1, chị Đỗ Quỳnh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường T1 (vắng mặt) được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ